TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HSST
Ngày: 26/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksơr Y Nai.

2. Ông Hoàng Tuyển.

Những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa:

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân – Cán bộ Toà án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2019 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/HSST ngày 25/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Sỹ Quang T, giới tính: Nam; sinh năm 1995; tại tỉnh Đăk Lăk; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; Cha: Nguyễn Sỹ Đ, sinh năm 1954; Mẹ: Nguyễn Thị T; sinh năm 1954, Nghề nghiệp: Làm nông; Hiện cha mẹ bị cáo cư trú tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 26/12/2018 chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Lê Quang T, sinh năm 1980; Trú tại: thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng đầu tháng 12/2018, Nguyễn Sỹ Quang T đến hái cà phê thuê cho anh Lê Quang T ở Thôn C, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, làm được 10 ngày thì T xin nghỉ về nhà vì có công việc gia đình. Chiều ngày 19/12/2018, T đến nhà anh

T để tiếp tục xin hái cà phê thuê nhưng anh T từ chối không nhận vì T không có giấy tờ chứng minh tên tuổi, địa chỉ. Khoảng hơn 06 giờ ngày 20/12/2018, T lại đi bộ đến nhà anh T để xin hái cà phê thuê, khi đến nhà anh T thì thấy cửa mở nhưng không có ai ở nhà. T đi vào trong phòng khách thì thấy ở trên kệ gần gần nơi để ti vi có 01 chiếc điện thoại di động Oppo F5 màu hồng và 01 chiếc điện thoại di động Vivo Y53 1606 đang sạc pin. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm 02 chiếc điện thoại nên đã lấy 02 chiếc điện thoại bỏ vào túi quần, rồi tiếp tục bỏ 02 chiếc điện thoại vào trong giỏ xách đựng quần áo của T. Sau khi lấy trộm được 02 chiếc điện thoại, T đi bộ qua xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tìm nơi bán 02 chiếc điện thoại. Khoảng 07 giờ cùng ngày, anh T đi về nhà thì phát hiện bị mất 02 chiếc điện thoại di động, nghi ngờ T đã trộm cắp tài sản của mình, anh T điều khiển xe mô tô sang xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để tìm T, khi đến đoạn đường gần bến xe của xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì anh T thấy T nên chặn lại kiểm tra giỏ xách đựng quần áo của T thì phát hiện thấy 02 chiếc điện thoại di động của mình nên đã trình báo Công an xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến mời T về trụ sở làm việc. Tại Công an xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp và giao nộp 02 chiếc điện thoại di động.

Tại Biên bản định giá tài sản số 955/BB-ĐGTS ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Chiếc điện thoại di động Oppo F5 và chiếc điện thoại di động Vivo Y53 1606, trị giá 6.500.000 đồng.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ chiếc 01 điện thoại di động Oppo F5; 01 chiếc điện thoại di động Vivo Y53 1606; 01 chiếc cặp màu đen. Ngày 28/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã giao trả 02 chiếc điện thoại nói trên cho anh Lê Quang T là chủ sở hữu. Đối với số tiền 112.000 đồng do Công an xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, lập biên bản tạm giữ của bị cáo, đây là tiền không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã giao trả cho bị cáo.

Về dân sự : Sau khi nhận lại tài sản anh Lê Quang T không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Đồng thời giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 25 tháng 2 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố đối với đối với Nguyễn Sỹ Quang T về tội “Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù và đề nghị giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO F5 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO Y53, trị giá tài sản bị xâm hại là 6.500.000 đồng của anh Lê Quang T. Vì vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Xét thấy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên cần chấp nhận. Tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[2]. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, ý thức coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần buộc bị cáo chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo thành người biết tôn trọng pháp luật;

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì xét thấy: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn và đã được trả lại cho người

bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Lê Quang T không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết;

[4]. Về xử lý vật chứng: Cần chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H đã giao trả 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO F5 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO Y53 cho người bị hại Lê Quang T là chủ sở hữu. Đối với số tiền 112.000 đồng thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra là tiền của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho bị cáo. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cặp màu đen của bị cáo dùng vào việc phạm tội vì không còn giá trị sử dụng.

[5]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1]. **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T phạm tội ***"trộm cắp tài sản".***

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

[2]. **Tuyên xử:** Bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ 20/12/2018.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Lê Quang T không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết;

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H đã giao trả 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO F5 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO Y53 cho người bị hại Lê Quang T là chủ sở hữu và trả lại số tiền 112.000 đồng thu giữ của bị cáo vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cặp màu đen của bị cáo dùng vào việc phạm tội vì không còn giá trị sử dụng.

[5]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Sỹ Quang T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại Lê Quang T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện H.
- Chi cục THADS huyện H.
- Công an huyện H.
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ công an huyện H
- Bị cáo-đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Long